TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 01 - 2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Ông Nguyễn Khánh Duy

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy Đ, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Xóm 9/2, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm: 1979.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 9/2, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang chấp hành án phạt tại: Đội 14, buồng 8, phân trại số I, trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Đ. Vắng mặt anh H (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/12/2019, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy Đ trình bày:

Chị và anh Ngô Văn H đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 12 năm 2005 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là tính tình không hợp nhau. Tháng 7 năm 2018, anh H vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với mức án 09 năm tù. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Quốc C, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007 đã chết ngày 01 tháng 7 năm 2011, và Ngô Thị Như Q sinh ngày 09 tháng 10 năm 2008. Hiện nay cháu Q đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Q và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đ và anh H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 31/12/2019, bị đơn là anh Ngô Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thúy Đ đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 12 năm 2005 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 07 năm 2018 anh vi phạm pháp luật, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà, với mức án 09 năm tù. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có con chung như chị Đ trình bày ở trên. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị Đ nuôi dưỡng con chung là Ngô Thị Như Q. Anh đồng ý với việc chị Đ không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh H có đề nghị hàng tháng chị Đ đưa cháu Ngô Thị Như Q lên thăm anh tại trại giam trong thời gian anh chấp hành án.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà nên anh không đến Tòa án được, anh H xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70,71,72 BLTTDS. Việc anh H vắng mặt tại các phiên hòa giải do điều kiện đang chấp hành phạt và có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy chị Đ và anh H xa cách đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh H đang chấp hành hình phạt, chị Đ có yêu cầu ly hôn anh H nhất trí, xét thực tế cuộc hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã thực sự tan vỡ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được vì vậy áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX:

- Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy Đ và anh Ngô Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là Ngô Thị Như Q sinh ngày 09 tháng 10 năm 2008 cho chị Đ nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh H là đúng theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thúy Đ và anh Ngô Văn H kết hôn ngày 02/12/2005 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 07 năm 2018 anh H vi phạm pháp luật, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Sau khi chị Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị Đ cho anh H.

Tại bản tự khai, anh H trình bày do vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành hình phạt, anh biết được chị Đ có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm giữa anh và chị Đ không còn nên cũng nhất trí ly hôn.

Do điều kiện anh H đang chấp hành hình phạt nên không tiến hành hòa giải được nên có đề nghị xin vắng mặt.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Đ có đơn xin ly hôn, anh H cũng nhất trí ly hôn. Việc các đương sự đều đồng ý ly hôn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Ngô Thị Như Q sinh ngày 09 tháng 10 năm 2008. Khi ly hôn, chị Đ nhận nuôi dưỡng con chung và anh H đồng ý là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật cũng như đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Việc chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Về tài sản, khoản nợ chung: Đương sự không đề nghị giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị Đ và anh H có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy Đ và anh Ngô Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thúy Đ có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Ngô Thị Như Q sinh ngày 09 tháng 10 năm 2008.

Cháu Ngô Thị Như Q hiện đang ở với chị Đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Ngô Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số BB/2012/04990 ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Đ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thúy Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Ngô Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã V, huyện T;
- BGT Trại giam Nam Hà;
- Lưu HS, VP.